TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH GIANG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 03 - 3 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Đình Liên và ông Phạm Văn Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hiếu – Thư ký viên TAND huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thu Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 181/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc "*ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N - sinh năm 1997.

Nơi thường trú: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Đào Đình V - sinh năm 1993.

Nơi thường trú: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng: Bà Khúc Thị Y, sinh năm 1969 (*Vắng mặt*).

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đào Đình V được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương vào ngày 21/3/2019. Sau khi kết hôn, chị và anh V về chung sống tại thôn N, xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống; anh V hay uống rượu sau đó về gây sự với chị, vợ chồng thường xảy ra cãi chửi nhau; một nguyên nhân nữa là do anh V làm thủy thủ tàu biển nên thường xuyên đi công tác nhiều tháng mới về nhà một lần nhưng cũng không gửi tiền cho các con. Mỗi lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị lại ra ngoài thuê nhà trọ hoặc về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Mặc dù gia đình chị cũng khuyên bảo và hòa giải cho vợ chồng nhưng đến nay vợ chồng chị vẫn mâu thuẫn và lần gần nhất chị ly thân với anh V từ tháng 10/2024 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thể hàn gắn, đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đào Đình V.

- Về con chung: Chị và anh Đào Đình V có 02 con chung là Đào Thanh T, sinh ngày 19/3/2020 và Đào Duy A, sinh ngày 09/12/2021, hiện các con đang ở cùng với gia đình anh V và được ông bà nội chăm sóc. Chị đề nghị giải quyết cho chị được quyền nuôi con Đào Duy A và anh V nuôi con Đào Thanh T cho đến khi các con trưởng thành. Chị không đồng ý để anh V nuôi 02 con.

+ Về cấp dưỡng: Do nguyện vọng của chị mỗi người nuôi 01 con nên chị giữa chị và anh V, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

+ Về điều kiện nuôi con: Chị hiện đang thuê nhà và sinh sống ổn định tại thôn N, xã T, hiện chị đang là công nhân của Công ty U ở xã V, huyện B, tỉnh Hải Dương với mức thu nhập ổn định 6.500.000đ/tháng. Trong trường hợp chị nuôi con, chị đảm bảo đủ điều kiện về nơi ăn ở cho con hoặc chị đưa con về ở cùng bố mẹ chị và mức thu nhập của chị đảm bảo để nuôi con đến khi trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về ý kiến của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh V được biết và B Đào Đình V đến làm việc nhưng bị đơn anh V đều vắng mặt.

Qua tra cứu tại Phòng Q – Công an tỉnh H ngày 08/01/2025 xác định anh Đào Đình V đã sử dụng hộ chiếu số C9905214 để xuất cảnh tại cửa khẩu Cảng H vào ngày 01/12/2024 và chưa có thông tin nhập cảnh của lần xuất cảnh này.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án ghi lời khai những người làm chứng bà Khúc Thị Y:

+ Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/01/2025, bà Khúc Thị Y trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Đào Đình V. Vợ chồng anh V và chị N có đăng ký kết hôn theo quy định và về chung sống với gia đình bà ở thôn N từ năm 2019. Quá trình chung sống, anh chị không có xích mích gì, ít khi xảy ra cãi cọ tuy nhiên chị N hay bỏ ra ngoài sinh sống, bà không biết chị bỏ đi đâu. Gia đình bà đã đi tìm và đưa chị N về tiếp tục chung sống nhưng chỉ được một thời gian chị lại bỏ đi. Khoảng tháng 10/2024, anh V đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và giấy báo của tòa án nhưng do bận đi làm nên anh không đến tòa án để trình bày ý kiến, hiện anh đang đi làm xa (đi tàu biển) nên không có địa chỉ cụ thể và cũng không rõ thời gian anh về. Gia đình vẫn giữ liên lạc với anh V qua điện thoại nên nếu có văn bản tố tụng của tòa án cần gửi cho anh V hoặc cần niêm yết thông báo cho anh V biết thì gửi cho bà để bà thông báo cho anh V.

+ Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/01/2025, bà Khúc Thị Y trình bày: Sau buổi làm việc với Tòa án, bà đã liên lạc với anh V và anh V có nói với bà như sau: Anh V và chị N được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn. Vợ chồng sau khi kết hôn về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị N tự ý bỏ đi, anh và gia đình nhiều lần đi tìm về nhưng sau đó chị N vẫn tiếp tục bỏ đi, nay chị N làm đơn ly hôn, anh đồng ý ly hôn. Về con chung anh chị có 02 con chung là Đào Thanh T, sinh năm 2020 và Đào Duy A, sinh năm 2021 hiện đang ở cùng gia đình anh, anh có nhờ bố mẹ anh nuôi dưỡng các con trong thời gian anh đi tàu; anh đề nghị giao cho anh nuôi cả 02 con và yêu cầu chị N cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng/02 con; trong trường hợp mỗi người nuôi 01 con thì anh không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng. Về điều kiện nuôi con, anh V có nghề nghiệp là thủy thủ tàu biển với mức thu nhập khoảng 18.000.000đ/tháng; Về tài sản chung anh V không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên quan điểm khởi kiện. Bị đơn anh Đào Đình V vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng, đảm bảo các nguyên tắc xét xử theo các Điều từ 239 - 244, Điều 246, 247, 249 - 252, Điều 254, 260, 263 BLTTDS. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn đã thực hiện không đúng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS, không có mặt tại các buổi làm việc, hòa giải, ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Đào Đình V.

+ Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đào Anh D, sinh ngày 09/12/2021 và giao cho anh Đào Đình V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đào Thanh T, sinh ngày 19/3/2020 từ tháng 03/2025 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi, trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị N và anh Đào Đình V, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Chị Nguyễn Thị N là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện xin ly hôn anh Đào Đình V và yêu cầu giải quyết về quyền nuôi con, không yêu cầu phân chia tài sản chung

nên quan hệ tranh chấp của vụ án được xác định là "*ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Quá trình giải quyết vụ án xác định anh V đang cư trú tại xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương và qua tra cứu tại Phòng Q – Công an tỉnh H ngày 08/01/2025 xác định anh Đào Đình V đã sử dụng hộ chiếu số C9905214 để xuất cảnh tại cửa khẩu Cảng H vào ngày 01/12/2024 và chưa có thông tin nhập cảnh lại Việt Nam, thời điểm anh V xuất cảnh là sau khi tòa án đã thụ lý vụ án do vậy không làm thay đổi thẩm quyền giải quyết vụ án vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39 BLTTDS.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N vắng mặt và đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, theo gia đình anh V cung cấp, anh V đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án ly hôn theo yêu cầu của chị N nhưng bận không đến tòa án làm việc, hiện anh V đang đi làm xa, không có nhà nhưng vẫn liên lạc về gia đình, gia đình anh V đồng ý nhận thay anh V văn bản của Tòa án và có trách nhiệm thông báo lại cho anh V. Đến nay, dù đã được tòa án thông báo, niêm yết, triệu tập nhiều lần nhưng bị đơn anh V vắng mặt tại các buổi làm việc và tại phiên tòa do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là chị N và anh V theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về các quan hệ pháp luật cần giải quyết:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Đào Đình V được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện vào ngày 21/3/2019 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Hải Dương theo Giấy đăng ký kết hôn số 11 ngày 21/3/2019 (nội dung được thể hiện trong Trích lục kết hôn số 136/TLKH-BS ngày 31/7/2024 của UBND xã T). Khi đăng ký kết hôn, chị N và anh V đều tự nguyện và đủ các điều kiện kết hôn theo luật định nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn của vợ chồng: Căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án xác định vợ chồng chị N, anh V có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị N là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh V hay uống rượu, gây sự với chị, vợ chồng xảy ra đánh cãi chửi nhau; bản thân anh V làm nghề thủy thủ tàu biển nên thường xuyên phải đi công tác xa nhà, nhiều tháng mới về nhà một lần nhưng cũng không gửi tiền cho các con. Còn theo gia đình anh V cung cấp, nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng là do chị N hay tự ý bỏ ra ngoài sinh sống mặc dù anh V và gia đình đã nhiều lần đi tìm chị N để về tiếp tục chung sống nhưng chỉ được một thời gian chị N lại tự

ý bỏ đi. Lần gần nhất, chị N bỏ đi là vào tháng 10/2024, hai vợ chồng ly thân từ thời gian đó đến nay và không quan tâm nhau hay có biện pháp nào hàn gắn tình cảm. Đến nay, chị N làm đơn xin ly hôn, theo gia đình anh V cung cấp anh V có quan điểm đồng ý ly hôn. Từ những căn cứ trên xác định chị N, anh V có mâu thuẫn không thể hàn gắn được, vợ chồng đã không còn tình nghĩa, không có biện pháp đoàn tụ do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, xử cho chị N ly hôn anh V là phù hợp khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N xác định vợ chồng có 02 con chung là Đào Thanh T, sinh ngày 19/3/2020 và Đào Anh D, sinh ngày 09/12/2021, các con hiện đang ở cùng gia đình anh V.

Quá trình giải quyết vụ án, chị N đề nghị tòa án giải quyết cho chị được nuôi con Đào Anh D, anh V nuôi con Đào Thanh T cho đến khi con trưởng thành và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Theo gia đình anh V cung cấp, ý kiến anh V đề nghị giải quyết cho anh được nuôi cả 02 con chung và yêu cầu chị N cấp dưỡng số tiền 2.000.000đ/tháng/02 con; nếu mỗi người nuôi 01 con thì không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng. Như vậy, cả chị N và anh V đều có nguyện vọng được nuôi con.

Xem xét về điều kiện, khả năng nuôi con của chị N thì thấy chị N hiện đang thuê nhà nhưng nếu được quyền nuôi con chị cam đoan sẽ đảm bảo nơi ở của cháu ổn định hoặc cùng con về ở với ông bà ngoại; về thu nhập, chị N khai chị hiện đang là công nhân Công ty U ở xã V, huyện B với mức thu nhập là 6.500.000đ/tháng. Theo gia đình anh V cung cấp, anh có nơi ở ổn định cùng với bố mẹ anh tại thôn N và có công việc là thủy thủ tàu biển với mức thu nhập là 18.000.000đ/tháng, mặc dù công việc của anh thường xuyên phải xa nhà nhưng bố mẹ anh cũng đang hỗ trợ anh trong việc nuôi con. Do đó xác định chị N và anh V đều có đủ khả năng và điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Xem xét việc các con của chị N và anh V đều còn nhỏ, cháu T hiện hơn 05 tuổi, cháu D hơn 4 tuổi, các con ở cùng anh V và anh V có nhờ bố mẹ anh chăm sóc nuôi dưỡng các con trong thời gian anh đi làm xa tuy nhiên với điều kiện công việc của anh V như hiện nay nếu giao cả 02 con cho anh V chăm sóc sẽ không đảm bảo về quyền lợi về mọi mặt cho cả 02 con do vậy, ý kiến của chị N về việc giao cho chị N và anh V mỗi người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 01 con chung là phù hợp hơn so với giao cả 02 con cho anh V nuôi dưỡng. Từ những căn cứ trên, cần chấp nhận ý kiến của chị N, giao cho chị N nuôi con Đào Anh D và anh V nuôi con Đào

Thanh T cho đến khi các con trưởng thành, tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Do chị N và anh V mỗi người nuôi 01 con chung và chị N, anh V đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con trong trường hợp vợ chồng mỗi người nuôi dưỡng 01 con nên giữa chị N và anh V không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Đào Đình V.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đào Anh D, sinh ngày 09/12/2021 (hiện đang ở cùng với anh Đào Đình V) cho đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành.

Giao cho anh Đào Đình V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Đào Thanh T, sinh ngày 19/3/2020 (hiện đang ở cùng với anh Đào Đình V) cho đến khi con chung tròn 18 tuổi trưởng thành.

Chị Nguyễn Thị N và anh Đào Đình V đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom đối với con chung mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị N và anh Đào Đình V, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án ký hiệu BLTU/24 số 0000453 ngày 11 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương. Chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo phần bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ



Nguyễn Duy Hải